

## BẢN TIN PHÁP LUẬT SỐ 12/2025

Trong giai đoạn vừa qua, một số chính sách mới ban hành có hiệu lực liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và người lao động gồm: 01 Nghị định, 02 Thông tư. Phòng Tổng hợp tóm tắt trích dẫn, đăng tải các văn bản trên để người lao động trong Công ty được biết, tham khảo, phục vụ công việc.

### DANH SÁCH VÀ NỘI DUNG BẢN TIN PHÁP LUẬT

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Hiệu lực văn bản
<b>Nghị định</b>			
01	Nghị định số 290/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước	06/11/2025	25/12/2025
<b>Thông tư</b>			
01	Thông tư số 54/2025/TT-BCT ngày 21/11/2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 của Bộ Công Thương quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục, phương pháp xác định, phê duyệt khung giá phát điện; quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục xây dựng, phê duyệt khung giá nhập khẩu điện và Thông tư số 12/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 của Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá dịch vụ phát điện; nguyên tắc tính giá điện để thực hiện dự án điện lực; nội dung chính của hợp đồng mua bán điện	21/11/2025	21/11/2025
02	Thông tư số 103/2025/TT-BCA ngày 04/11/2025 của Bộ Công an ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trang bị, bố trí phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho nhà và công trình	04/11/2025	30/12/2025

### Tóm tắt và trích dẫn

#### I. Nghị định

1. Nghị định số 290/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước

Nghị định này áp dụng cho các tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước trên lãnh thổ Việt Nam. Ngoài ra, những người có thẩm quyền lập biên bản và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực này cũng thuộc đối tượng điều chỉnh.

#### **- Hình thức và mức xử phạt**

Các hình thức xử phạt chính bao gồm cảnh cáo và phạt tiền. Mức phạt tiền tối đa cho một hành vi vi phạm là 250 triệu đồng đối với cá nhân và 500 triệu đồng đối với tổ chức.

Ngoài ra, có thể áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung như đình chỉ hoạt động và tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm.

#### **- Biện pháp khắc phục hậu quả**

Nghị định quy định nhiều biện pháp khắc phục hậu quả như buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước, xâm nhập mặn, lũ lụt, ngập úng nhân tạo, và sụt lún đất. Các tổ chức, cá nhân vi phạm có thể bị buộc phải kê khai, đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước hoặc nộp hồ sơ đề nghị cấp phép nếu muốn tiếp tục khai thác.

#### **- Thời hiệu xử phạt**

Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước là 02 năm. Trong trường hợp vi phạm do cơ quan tổ tụng chuyển đến, thời hiệu xử phạt được kéo dài thêm 01 năm.

#### **- Thẩm quyền xử phạt**

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, Cục trưởng các cục thuộc bộ, Giám đốc sở, Công an nhân dân, Bộ đội biên phòng, và Cảnh sát biển đều có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước theo phạm vi quản lý của mình. Mức phạt tiền và các biện pháp khắc phục hậu quả được áp dụng tùy theo thẩm quyền của từng cấp.

Nghị định này thay thế một số quy định của Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 và Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ liên quan đến xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước.

## **II. Thông tư**

*1. Thông tư số 54/2025/TT-BCT ngày 21/11/2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 của Bộ Công Thương quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục, phương pháp xác định, phê duyệt khung giá phát điện; quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục xây dựng, phê duyệt khung giá nhập khẩu điện và Thông tư số 12/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 của Bộ Công Thương quy định*

*phương pháp xác định giá dịch vụ phát điện; nguyên tắc tính giá điện để thực hiện dự án điện lực; nội dung chính của hợp đồng mua bán điện*

Theo đó, tại Thông tư số 54/2025/TT-BCT bổ sung Điều 8a sau Điều 8 Thông tư 09/2025/TT-BCT quy định về phương pháp xác định khung giá phát điện áp dụng cho loại hình nhà máy điện khác cụ thể như sau:

- Nhà máy điện khác là nhà máy điện thuộc một trong các trường hợp sau đây:
  - + Nhà máy nhiệt điện than có quy mô công suất từ 200 MW trở xuống;
  - + Nhà máy nhiệt điện than mà doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, sử dụng 100% vốn chủ sở hữu để đầu tư dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
  - + Nhà máy nhiệt điện than được sử dụng 100% vốn vay nội tệ để đầu tư dự án;
  - + Nhà máy điện năng lượng tái tạo nhỏ hết thời hạn áp dụng biểu giá chi phí tránh được; nhà máy điện đã vận hành thương mại và hết thời hạn áp dụng giá hợp đồng mua bán điện; nhà máy điện hết thời hạn hợp đồng BOT và bàn giao cho Chính phủ.
- Khung giá phát điện áp dụng cho loại hình nhà máy điện khác quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều 8a Thông tư số 09/2025/TT-BCT được quy định như sau:
  - + Mức giá tối đa của khung giá phát điện được xác định trên cơ sở nguyên tắc lập khung giá phát điện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Thông tư số 09/2025/TT-BCT;
  - + Thông số đầu vào để tính toán mức giá tối đa của khung giá phát điện được xác định trên cơ sở hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của dự án được phê duyệt hoặc thiết kế cơ sở của dự án được thẩm định bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc số liệu thực tế đàm phán hợp đồng mua bán điện (nếu có).
- Khung giá phát điện áp dụng cho loại hình nhà máy điện khác quy định tại điểm d khoản 1 Điều 8a Thông tư số 09/2025/TT-BCT được quy định như sau:
  - + Mức giá tối đa của khung giá phát điện được xác định trên cơ sở nguyên tắc lập khung giá phát điện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Thông tư số 09/2025/TT-BCT;
  - + Đời sống kinh tế để tính toán mức giá tối đa phù hợp với thời gian còn lại của đời sống kinh tế nhà máy điện;
  - + Suất đầu tư để tính toán mức giá tối đa được xác định trên cơ sở chi phí đầu tư của nhà máy điện theo giá trị còn lại của tài sản tại thời điểm giá dịch vụ phát

điện hết hiệu lực hoặc hợp đồng mua bán điện hết hiệu lực, cộng thêm các chi phí cải tạo, nâng cấp (nếu có) được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc thỏa thuận thống nhất với bên mua điện. Đối với các nhà máy điện hết thời hạn hợp đồng BOT, suất đầu tư để tính toán mức giá tối đa được xác định trên cơ sở giá trị còn lại của tài sản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

+ Thông số đầu vào khác để tính toán mức giá tối đa của khung giá phát điện được xác định trên cơ sở số liệu thực tế của nhà máy điện do bên bán điện và bên mua điện thỏa thuận.

*2. Thông tư số 103/2025/TT-BCA ngày 04/11/2025 của Bộ Công an ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trang bị, bố trí phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho nhà và công trình*

Theo đó, từ 30/12/2025, quy định về trang bị, bố trí bình chữa cháy cho nhà và công trình như sau:

- Tất cả các khu vực trong nhà, công trình kể cả những nơi đã được trang bị hệ thống chữa cháy phải trang bị bình chữa cháy xách tay hoặc bình chữa cháy có bánh xe. Việc lựa chọn, tính toán trang bị và bố trí bình chữa cháy thực hiện theo quy định tại điểm 6 và điểm 7 TCVN 7435-1.

- Đối với khu vực có diện tích hẹp và dài hoặc khu vực có nhiều cấp sàn khác nhau thì việc trang bị bình chữa cháy vẫn phải đảm bảo khoảng cách di chuyển từ vị trí để bình chữa cháy đến điểm xa nhất cần bảo vệ của 01 bình không vượt quá quy định tại điểm 7 TCVN 7435-1.

- Trên cùng một sàn hoặc tầng nhà, nếu mặt bằng được ngăn thành các khu vực khác nhau bởi tường, vách, rào hoặc các vật cản khác không có lối đi qua lại thì việc trang bị bình chữa cháy phải riêng biệt cho mỗi khu vực và đảm bảo theo quy định tại điểm 6 và điểm 7 TCVN 7435-1.

- Bình chữa cháy được bố trí ở vị trí dễ thấy, dễ lấy và nên có màu đỏ, trường hợp khó nhận biết có thể sử dụng các chỉ dẫn vị trí và theo các quy định tại điểm 5 TCVN 7435-1. Không được để bình chữa cháy tập trung một chỗ.

Bình chữa cháy phải luôn sẵn sàng để sử dụng ngay lập tức và được bố trí tại:

- + Nơi mà những người theo đường thoát nạn dễ dàng nhìn thấy;
- + Gần lối ra, vào phòng, cầu thang bộ, hành lang và lối đi;
- + Ở các vị trí tương tự trên mỗi tầng, nơi các tầng có cấu trúc giống nhau.

Không đặt bình chữa cháy ở các khu vực, vị trí sau:

- + Khi đám cháy tiềm ẩn có thể ngăn cản việc tiếp cận bình chữa cháy;

+ Gần các thiết bị sinh nhiệt có thể ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả của bình chữa cháy;

+ Ở những vị trí khuất sau cửa ra, vào, trong tủ không quan sát được bình chữa cháy hoặc hóc sâu;

+ Nơi có thể gây cản trở lối thoát nạn;

+ Ở các vị trí trong phòng hoặc hành lang cách xa lối ra, trừ trường hợp cần thiết đối với nguy hiểm cháy;

+ Nơi bình chữa cháy có thể bị hỏng do các hoạt động thường ngày.

- Công trình đang thi công xây dựng phải trang bị tối thiểu 01 bình bột chữa cháy xách tay loại ABC không nhỏ hơn 4 kg cho mỗi diện tích đến 500 m<sup>2</sup> sàn xây dựng, xét riêng cho mỗi tầng công trình, kể cả các nhà tạm để phục vụ thi công xây dựng công trình (nếu diện tích chưa đủ 500 m<sup>2</sup> vẫn phải trang bị tối thiểu 01 bình bột chữa cháy xách tay loại ABC không nhỏ hơn 4 kg).

Số lượng bình chữa cháy xách tay phải được trang bị gấp đôi so với số lượng yêu cầu tối thiểu khi không thể bố trí đường giao thông dành cho xe chữa cháy tiếp cận đến công trình. Các bình chữa cháy xách tay phải bố trí bảo đảm bán kính bảo vệ tối đa của bình chữa cháy xách tay là 25 m tại nơi dễ thấy, dễ lấy.

**BTV: Lê Gia Lộc Sơn**